

Số: 16/TM-BVYHCTNĐ
“V/v chào giá cung cấp dịch vụ
tư vấn đấu thầu mua sắm vị thuốc cổ
truyền”

Ninh Bình, ngày 25 tháng 3 năm 2025

THƯ MỜI CHÀO GIÁ

Kính gửi: Các nhà cung cấp dịch vụ tư vấn đấu thầu

Bệnh viện Y học cổ truyền Nam Định có nhu cầu mua sắm vị thuốc cổ truyền phục vụ công tác khám chữa bệnh tại bệnh viện Y học cổ truyền Nam Định năm 2026-2027, thông tin cụ thể như sau:

- Danh mục mua sắm: gồm 81 vị thuốc cổ truyền (Danh mục chi tiết tại Phụ lục đính kèm).
- Dự toán kinh phí mua sắm: 10.499.849.500 đồng.
- Hình thức đấu thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng.

Bệnh viện Y học cổ truyền kính mời các nhà cung cấp dịch vụ tư vấn đấu thầu có kinh nghiệm và năng lực tham gia chào giá để bệnh viện tham khảo, xây dựng dự toán, giá gói thầu, làm cơ sở để tổ chức lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu dịch vụ tư vấn với các nội dung:

1. Nội dung yêu cầu chào giá:

- Tư vấn lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT gói thầu mua sắm vị thuốc cổ truyền phục vụ công tác khám chữa bệnh tại bệnh viện Y học cổ truyền Nam Định năm 2026-2027.
- Tư vấn thẩm định E-HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu mua sắm vị thuốc cổ truyền phục vụ công tác khám chữa bệnh cho bệnh nhân tại bệnh viện Y học cổ truyền Nam Định năm 2026-2027.

2. Hồ sơ chào giá bao gồm các tài liệu sau:

- Bản chào giá có chữ ký của đại diện hợp pháp của nhà thầu và ghi rõ ngày, tháng, năm chào giá; Thời hạn hiệu lực báo giá tối thiểu 90 ngày kể từ ngày ký Bản chào giá.
- Hồ sơ năng lực của đơn vị chào giá;
- Hồ sơ phải được bỏ trong phong bì, có niêm phong.

3. Thông tin đơn vị tiếp nhận chào giá: Bản chào giá được gửi trực tiếp, qua đường bưu điện hoặc qua mail (Trường hợp gửi qua mail phải gửi kèm bản giấy gửi về

bệnh viện trong thời hạn không quá 03 ngày kể từ ngày hết hạn thư mời báo giá) tại địa chỉ sau:

- Địa điểm: Phòng Văn thư – Bệnh viện Y học cổ truyền Nam Định
- Địa chỉ: Số 01 Đường Tuệ Tĩnh – P. Thiên Trường, Tỉnh Ninh Bình.
- Số điện thoại liên hệ: 0228.3648592
- Email: bvyhctnd@gmail.com

4. Thông tin liên hệ của người tiếp nhận chào giá

- Bà Phạm Thị Vân - Phòng Hành chính - Tổ chức, Tổ mua sắm bệnh viện
- Số điện thoại liên hệ: 0985.702.007

5. Thời hạn tiếp nhận bản chào giá: 05 ngày kể từ ngày đăng tải Thư mời.

Các Bản chào giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét
Bệnh viện Y học cổ truyền Nam Định xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn An



PHỤ LỤC: DANH MỤC VỊ THUỐC CỔ TRUYỀN

		Tên vị thuốc cổ truyền	Nhóm TCKT	Bộ phận dùng	Tên khoa học	Dạng sơ chế/ Phương pháp chế biến	TCKT	Đơn vị tính	Số lượng
		Bá tử nhân	Nhóm 2	Hạt	<i>Semen Platycladi orientalis praeparatum</i>	Sao vàng	TCCS	Kg	5
2		Bạch chi	Nhóm 2	Rễ	<i>Radix Angelicae dahuricae</i>	Thái phiến	TCCS	Kg	75
3		Bạch linh (Phục linh, Bạch phục linh)	Nhóm 2	Thể quả nấm	<i>Poria</i>	Thái phiến	TCCS	Kg	500
4	16, 17	Bạch thược	Nhóm 2	Rễ	<i>Radix Paeoniae lactiflorae praeparata</i>	Sao/Chích rượu	TCCS	Kg	1.500
5	18, 19	Bạch truật	Nhóm 2	Thân rễ	<i>Rhizoma Atractylodis macrocephalae praeparatum</i>	Sao cám mật ong/Chích rượu	TCCS	Kg	1.500
6	24, 25	Bán hạ nam (Củ chóc)	Nhóm 2	Thân rễ	<i>Rhizoma Typhonii trilobati praeparatum</i>	Chế gừng/Chế nước vôi trong	TCCS	Kg	10
7	29	Cam thảo	Nhóm 2	Rễ	<i>Radix et Rhizoma Glycyrrhizae praeparata</i>	Chích mật ong	TCCS	Kg	250
8	34	Cát cánh	Nhóm 2	Rễ	<i>Radix Platycodi grandiflori praeparata</i>	Chích mật ong	TCCS	Kg	150
9		Câu đằng	Nhóm 2	Thân, cành	<i>Ramulus cum unco Uncariae</i>	Sơ chế/Sấy khô	TCCS	Kg	250
10		Câu kỷ tử	Nhóm 2	Quả	<i>Fructus Lycii</i>	Sơ chế/Sấy/Phơi, sấy khô	TCCS	Kg	1.500
11	35, 36, 38	Cẩu tích	Nhóm 2	Thân rễ	<i>Rhizoma Cibotii praeparatum</i>	Sao vàng/Chích rượu/Chích muối	TCCS	Kg	500
12	39	Chi thực	Nhóm 2	Quả	<i>Fructus Aurantii immaturus praeparatus</i>	Sao	TCCS	Kg	5
13	40, 41	Chi tử	Nhóm 2	Quả	<i>Fructus Gardeniae praeparatus</i>	Sao qua/Sao cháy	TCCS	Kg	50
14	42	Chi xác	Nhóm 2	Quả	<i>Fructus Aurantii praeparatus</i>	Sao cám	TCCS	Kg	5
15		Cỏ ngọt	Nhóm 2	Lá	<i>Herba Steviae</i>	Loại tạp	TCCS	Kg	25



		Tên vị thuốc cổ truyền	Nhóm TCKT	Bộ phận dùng	Tên khoa học	Dạng sơ chế/ Phương pháp chế biến	TCKT	Đơn vị tính	Số lượng
		Cỏ nhọ nồi	Nhóm 2	Phần trên mặt đất	<i>Herba Ecliptae praeparata</i>	Thán sao	TCCS	Kg	5
17	47, 48	Cốt toái bồ	Nhóm 2	Thân rễ	<i>Rhizoma Drynariae praeparatum</i>	Sao/Chích rượu	TCCS	Kg	1.500
18		Cúc hoa	Nhóm 2	Cụm hoa	<i>Flos Chrysanthemi indicis</i>	Sơ chế/sấy	TCCS	Kg	150
19		Đại táo	Nhóm 2	Quả	<i>Fructus Ziziphi jujubae</i>	Sấy	TCCS	Kg	1.500
20	51	Đan sâm	Nhóm 2	Rễ	<i>Radix Salviae miltiorrhizae praeparata</i>	Chích rượu	TCCS	Kg	1.500
21	52	Đàng sâm	Nhóm 2	Rễ	<i>Radix Codonopsis praeparata</i>	Chích gừng	TCCS	Kg	750
22	53, 54	Đào nhân	Nhóm 2	Hạt	<i>Semen Pruni praeparatum</i>	Sao vàng giữ vỏ/Sao vàng bỏ vỏ	TCCS	Kg	25
23		Dây đau xương	Nhóm 2	Thân	<i>Caulis Tinosporae tomentosae</i>	Sơ chế/Sấy khô	TCCS	Kg	75
24	59, 60, 61	Đỗ trọng	Nhóm 2	Vỏ thân	<i>Cortex Eucommiae praeparatus</i>	Chích muối/Chích rượu/Sao đen	TCCS	Kg	1.500
25		Độc hoạt	Nhóm 2	Rễ	<i>Radix Angelicae pubescentis</i>	Thái phiến	TCCS	Kg	1.500
26	62	Đương quy (Toàn quy, Quy đầu, Quy vĩ/quy râu)	Nhóm 2	Rễ	<i>Radix Angelicae sinensis praeparata</i>	Chích rượu	TCCS	Kg	1.500
27	63	Hà thủ ô đỏ	Nhóm 2	Rễ	<i>Radix Fallopiae multiflorae praeparata</i>	Chế đậu đen	TCCS	Kg	1.000
28	68	Hoàng bá	Nhóm 2	Vỏ (thân, cành)	<i>Cortex Phellodendri praeparatus</i>	Chích muối	TCCS	Kg	25
29	69, 70, 71, 72	Hoàng cầm	Nhóm 2	Rễ	<i>Radix Scutellariae praeparata</i>	Sao vàng/Sao đen/Chích rượu/Chích mật ong	TCCS	Kg	300
30	73	Hoàng kỳ (Bạch kỳ)	Nhóm 2	Rễ	<i>Radix Astragali membranacei praeparata</i>	Chích mật ong	TCCS	Kg	250
31	79, 80	Hòe hoa	Nhóm 2	Nụ hoa	<i>Flos Styphnolobii japonici praeparatus</i>	Sao vàng/Sao cháy	TCCS	Kg	100



STT	STT TT14	Tên vị thuốc cổ truyền	Nhóm TCKT	Bộ phận dùng	Tên khoa học	Dạng sơ chế/ Phương pháp chế biến	TCKT	Đơn vị tính	Số lượng
32		Hồng hoa	Nhóm 2	Hoa	<i>Flos Carthami tinctorii</i>	Sơ chế/Sấy khô	TCCS	Kg	250
33		Huyền sâm	Nhóm 2	Rễ	<i>Radix Scrophulariae</i>	Sơ chế/Thái phiến	TCCS	Kg	25
34	83	Hy thiêm	Nhóm 2	Phần trên mặt đất	<i>Herba Siegesbeckiae praeparata</i>	Tầm rượu	TCCS	Kg	500
35		Ích mẫu	Nhóm 2	Phần trên mặt đất	<i>Herba Leonuri japonici</i>	sơ chế/Sao vàng	TCCS	Kg	100
36	147, 148	Ké đầu ngựa (Thương nhĩ tử)	Nhóm 2	Quả	<i>Fructus Xanthii strumarii praeparatus</i>	Sao cháy gai/Tầm rượu	TCCS	Kg	25
37		Kê huyết đằng	Nhóm 2	Thân	<i>Caulis Spatholobi</i>	Sơ chế/Thái phiến	TCCS	Kg	250
38	85, 86	Khiếm thực	Nhóm 2	Hạt	<i>Semen Euryales praeparatum</i>	Sao vàng/Sao cám	TCCS	Kg	25
39		Khương hoạt	Nhóm 2	Thân rễ, rễ	<i>Rhizoma et Radix Notopterygii</i>	Thái phiến	TCCS	Kg	1.500
40		Kim ngân hoa	Nhóm 2	Hoa	<i>Flos Lonicerae</i>	Sơ chế/ Sấy	TCCS	Kg	250
41		Kim tiền thảo	Nhóm 2	Phần trên mặt đất	<i>Herba Desmodii styracifolii</i>	Sấy/ Cắt đoạn	TCCS	Kg	15
42		Lạc tiên	Nhóm 2	Phần trên mặt đất	<i>Herba Passiflorae</i>	Sơ chế/ Sấy khô	TCCS	Kg	1.500
43		Liên kiều	Nhóm 2	Quả	<i>Fructus Forsythiae</i>	Sơ chế/ Sấy khô	TCCS	Kg	125
44		Long nhãn	Nhóm 2	Áo hạt	<i>Arillus Longan</i>	Sơ chế/ Sấy	TCCS	Kg	150
45		Mạch môn	Nhóm 2	Rễ	<i>Radix Ophiopogonis japonici</i>	Sao vàng/Rửa, sấy/sơ chế/bỏ lõi	TCCS	Kg	250
46	102	Mạn kinh tử	Nhóm 2	Quả	<i>Fructus Viticis trifoliae praeparatus</i>	Sao vàng	TCCS	Kg	25
47	103, 104	Mẫu đơn bì	Nhóm 2	Vỏ rễ	<i>Cortex Radicis Paeoniae suffruticosae radicis praeparatus</i>	Sao vàng/Chích rượu	TCCS	Kg	50



STT	Tên vị thuốc cổ truyền	Nhóm TCKT	Bộ phận dùng	Tên khoa học	Dạng sơ chế/ Phương pháp chế biến	TCKT	Đơn vị tính	Số lượng
48	Mộc hương	Nhóm 2	Rễ	<i>Radix Saussureae lappae</i>	Sơ chế/ Thái phiến	TCCS	Kg	25
49	Mộc qua	Nhóm 2	Quả	<i>Fructus Chaenomelis speciosae</i>	Sơ chế, thái lát/ Thái phiến	TCCS	Kg	250
50	Ngọc trúc	Nhóm 2	Thân rễ	<i>Rhizoma Polygonati odorati</i>	Sơ chế	TCCS	Kg	150
51	Ngũ gia bì chân chim	Nhóm 2	Vỏ (thân, cành)	<i>Cortex Schefflerae heptaphyllae</i>	Thái phiến/ Sấy khô	TCCS	Kg	10
52	117, 118 Ngũ vị tử	Nhóm 2	Quả	<i>Fructus Schisandrae chinensis praeparatus</i>	Tẩm mật/Tẩm giấm	TCCS	Kg	25
53	120, 121 Ngưu tất	Nhóm 2	Rễ	<i>Radix Achyranthis bidentatae praeparata</i>	Chích rượu/Chích muối	TCCS	Kg	1.500
54	122 Nhục thung dung	Nhóm 2	Thân	<i>Herba Cistanches praeparata</i>	Chung rượu	TCCS	Kg	5
55	27 Phá cố chỉ (Bỏ cốt chỉ)	Nhóm 2	Quả	<i>Fructus Psoraleae corylifoliae praeparatus</i>	Chế muối	TCCS	Kg	25
56	Phòng phong	Nhóm 2	Rễ	<i>Radix Saposhnikoviae divaricatae</i>	Sơ chế/ Thái phiến	TCCS	Kg	100
57	Phục thần	Nhóm 2	Thể quả nấm	<i>Poria</i>	Sơ chế	TCCS	Kg	25
58	Quế chi	Nhóm 2	Cành	<i>Ramulus Cinnamomi</i>	Sơ chế/ Thái phiến	TCCS	Kg	100
59	Sa sâm	Nhóm 2	Rễ	<i>Radix Glehniae</i>	Sơ chế/ Thái phiến	TCCS	Kg	20
60	Sài hồ	Nhóm 2	Rễ	<i>Radix Bupleuri</i>	Sơ chế/ Thái phiến	TCCS	Kg	25
61	129 Sơn thù	Nhóm 2	Quả	<i>Fructus Corni officinalis praeparatus</i>	Tẩm rượu chung	TCCS	Kg	25
62	130, 131 Sơn tra	Nhóm 2	Quả	<i>Fructus Mali praeparatus/ Fructus Crataegi praeparatus</i>	Sao qua/Sao đen	TCCS	Kg	15
63	Tam thất	Nhóm 2	Rễ củ	<i>Radix Panasus notoginseng</i>	Sơ chế/ Thái phiến	TCCS	Kg	10



		Tên vị thuốc cổ truyền	Nhóm TCKT	Bộ phận dùng	Tên khoa học	Dạng sơ chế/ Phương pháp chế biến	TCKT	Đơn vị tính	Số lượng
		Tân giao	Nhóm 2	Rễ	<i>Radix Gentianae macrophyllae</i>	Sơ chế/ Thái phiến	TCCS	Kg	500
65		Tang chi	Nhóm 2	Cành non	<i>Ramulus Mori albae</i>	Sơ chế	TCCS	Kg	25
66	133	Táo nhân	Nhóm 2	Hạt	<i>Semen Ziziphi mauritiana praeparatum</i>	Sao đen	TCCS	Kg	750
67		Tế tân	Nhóm 2	Rễ, thân rễ	<i>Radix et Rhizoma Asari</i>	Sơ chế/ Thái phiến	TCCS	Kg	25
68	138	Thăng ma	Nhóm 2	Thân rễ	<i>Rhizoma Cimicifugae praeparatum</i>	Chích rượu	TCCS	Kg	3
69		Thiên ma	Nhóm 2	Thân rễ	<i>Rhizoma Gastrodiae elatae</i>	Sơ chế/ Thái phiến	TCCS	Kg	100
70		Thiên niên kiện	Nhóm 2	Thân rễ	<i>Rhizoma Homalomenae occulta</i>	Sơ chế/thái phiến	TCCS	Kg	5
71		Thỏ phục linh	Nhóm 2	Thân rễ	<i>Rhizoma Smilacis glabrae</i>	Sơ chế/thái phiến	TCCS	Kg	1.500
72	145	Thục địa	Nhóm 2	Rễ củ	<i>Radix Rehmanniae glutinosae praeparata</i>	Chế gừng, sa nhân	TCCS	Kg	1.500
73	149, 150, 151	Thương truật	Nhóm 2	Thân rễ	<i>Rhizoma Atractylodis praeparatum</i>	Sao qua/Sao vàng/Sao cháy	TCCS	Kg	150
74	159, 160	Trạch tả	Nhóm 2	Thân rễ	<i>Rhizoma Alismatis praeparatum</i>	Sao vàng/Chích muối	TCCS	Kg	150
75	163, 164	Tri mẫu	Nhóm 2	Thân rễ	<i>Rhizoma Anemarrhenae praeparatum</i>	Chích muối/Chích rượu	TCCS	Kg	10
76		Uy linh tiên	Nhóm 2	Rễ, thân rễ	<i>Radix et Rhizoma Clematidis</i>	Sơ chế/ Thái phiến	TCCS	Kg	50
77	168, 169	Viễn chí	Nhóm 2	Rễ	<i>Radix Polygalae praeparata</i>	Sao cám/Chích cam thảo	TCCS	Kg	75
78	170	Xa tiền tử	Nhóm 2	Hạt	<i>Semen Plantaginis praeparata</i>	Chích muối	TCCS	Kg	50
79		Xích thược	Nhóm 2	Rễ	<i>Radix Paeoniae</i>	Sơ chế/ Thái phiến	TCCS	Kg	600



		Tên vị thuốc cổ truyền	Nhóm TCKT	Bộ phận dùng	Tên khoa học	Dạng sơ chế/ Phương pháp chế biến	TCKT	Đơn vị tính	Số lượng
80	171	Xuyên khung	Nhóm 2	Thân rễ	<i>Rhizoma Ligustici wallichii praeparatnm</i>	Chích rượu	TCCS	Kg	1.250
81	172	Ý dĩ	Nhóm 2	Hạt	<i>Semen Coicis praeparata</i>	Sao cám	TCCS	Kg	750